

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 2 - Địa chỉ: 220 Nguyễn Văn Linh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - Điện thoại: 0236. 2225.610/611. - Fax: 0236. 2225.610 - Tài khoản: 115000008870 tại Ngân hàng TMCP Công thương – CN Đà Nẵng - Mã số thuế: 0102743068-006 - E-mail: chienld.ttd2@gmail.com
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Trải dài trên địa bàn từ Đồng Hới đến Đông Hà thuộc tỉnh Quảng Trị.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và bên B nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không yêu cầu
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - BBTT, Biên bản hoàn thiện hợp đồng. - E-HSMT của Bên A. - E-HSDT của Bên B. - Quyết định phê duyệt KQLCNT. - Thông báo KQLCNT. - Văn bản tuân thủ hồ sơ mời thầu và thực hiện hợp đồng của Bên B. - Bảng giá hợp đồng. - Danh sách nhân sự chủ chốt
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>

<p>E-ĐKC 7</p>	<p>Loại hợp đồng: <i>Trọn gói và đơn giá cố định.</i></p> <p>+ Phần Khảo sát xây dựng áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định;</p> <p>+ Phần lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; Lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng công trình; lập Thiết kế bản vẽ thi công; lập Hồ sơ mời thầu; lập các thỏa thuận chuyên ngành áp dụng hợp đồng trọn gói.</p>
<p>E-ĐKC 8</p>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(i) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p> <p>(ii) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 10</p>	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A tự sẽ tạm ứng cho bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế) với điều kiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu. - Có Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng (<i>Theo Điều 41 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023</i>). Trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng, việc nộp Bảo hiểm sẽ được thực hiện tại thời điểm thanh/quyết toán khối lượng hoàn thành. - Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến 30 ngày sau ngày dự kiến thu hồi hết giá trị tạm ứng. <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời</p>

điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, Nhà thầu chịu phí chuyển tiền.

- a) Đồng tiền thanh toán: VND.
- b) Số lần thanh toán:
- c) Thời hạn thanh toán:

- Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và thực hiện như sau:

Công tác khảo sát xây dựng: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A nghiệm thu và Bên B lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán).

Công tác lập BCNCKT:

+ Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi có quyết định phê duyệt BCNCKT công trình, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (*tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán*). Trong trường hợp Bên B có văn bản đề nghị thanh toán sau khi giao nộp hồ sơ BCNCKT, Bên A có thể xem xét thanh toán đến 40% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập BCNCKT” sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ BCNCKT do Bên B lập, được Bên A thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phân chất lượng sản phẩm (đối với công tác lập BCNCKT): Khi giai đoạn TKBVTC không có thay đổi lớn về giải pháp kỹ thuật do lỗi của Bên B thực hiện trong giai đoạn BCNCKT, Bên A sẽ nghiệm thu và thanh toán phân chất lượng sản phẩm cho Bên B, nhưng tổng giá trị thanh toán sẽ không vượt quá 90% giá trị hợp đồng.

Công tác lập TKBVTC-DT:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt TKBVTC-DT, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu tới 80% tổng giá trị hạng mục “ Chi phí lập TKBVTC-DT” (có thu hồi giá trị tạm ứng).

+ Công tác hoàn chỉnh TKBVTC-DT (sau khi có VTTB): Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 90% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKBVTC-DT” sau 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ TKBVTC phần liên quan đến thiết bị do Nhà thầu hoàn chỉnh (có thu hồi giá trị tạm ứng) (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 10% giá trị chờ quyết toán).

Công tác lập Hồ sơ mời thầu (HSMT):

Sau khi HSMT được lập hoàn chỉnh và được phê duyệt, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 90% giá trị hạng mục công việc đã thực hiện (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 10% giá trị chờ quyết toán).

Công tác các thỏa thuận chuyên ngành:

Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày các công tác thỏa thuận, báo cáo chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A thanh toán cho bên B 90% giá trị hợp đồng hạng mục (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 10% giá trị chờ quyết toán).

Giá trị còn lại (10%): Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án.

*** Hồ sơ thanh toán giai đoạn**

+ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện.

+ Biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, bản thanh toán.

+ Phiếu giá thanh toán theo quy định;

+ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán (địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử ptcktpc2@gmail.com);

+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu;

*** Hồ sơ quyết toán**

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư;

+ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so

	<p>với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư;</p> <p>+ Bảng tính chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng cho toàn bộ khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng;</p> <p>+ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán (địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử ptcktpc2@gmail.com);</p> <p>+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu;</p> <p>+ Biên bản tổng kết hợp đồng (đối với Quyết toán gói thầu)</p> <p>* Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại:</p> <p>Giá trị còn lại (nếu có): Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án. Hồ sơ thanh toán gồm:</p> <p>+ Đối chiếu công nợ A-B.</p> <p>+ Giấy đề nghị thanh toán.</p> <p>10.3. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được thanh lý sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng.</i>
E-ĐKC 12	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng</p> <p>Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày (giai đoạn 1: khảo sát, lập BCNCKT ĐTXD là 80 ngày; giai đoạn 2: lập TKBVTC-TDT là 40 ngày)</p>
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác <i>theo quy định của pháp luật.</i>
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.

<p>E-ĐKC 16.4</p>	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ :</p> <p>Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 17</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: “Áp dụng”.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức :</p> <p>+ Do chậm tiến độ:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu nhà thầu tư vấn chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì sẽ bị phạt hợp đồng với Mức khấu trừ: 0,1%/ngày chậm trễ (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện). Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án.</p> <p>+ Do chất lượng:</p> <p>Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì cũng xem là không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bên B chịu mọi chi phí để thực hiện lại sản phẩm,

	<p>đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự thay đổi thiết kế cho bên A và Bên thứ 3 (nếu có) Phù hợp với pháp luật dân sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp đơn vị tư vấn tính toán không chính xác số lượng, khối lượng công việc dẫn đến vật tư, thiết bị phải thu hồi hoặc phải mua bổ sung, đơn vị tư vấn phải bồi thường bằng vật tư thiết bị tương đương hoặc bằng tiền có giá trị tương đương và các chi phí phát sinh cho việc thu hồi hoặc bổ sung (nếu có). - Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. <p>Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải

	<p>được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
<p>E-DKC 23.1</p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 2, Số 220kV Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Tel: 0236 2225611, Fax: 0236 2225610 E-mail: dtxdptc2@gmail.com - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____